

# Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



PC box IP66 IK08 RAL7035  
Int.H150W105D80  
Ext.H164W121D87 opaque PC  
cover H20

NSYTBP16128

## Main

|                     |                                        |
|---------------------|----------------------------------------|
| Range               | Thalassa                               |
| Product Name        | Thalassa TBP                           |
| Device Application  | Multi-purpose                          |
| Category            | Industrial box                         |
| Height              | 164 mm                                 |
| Width               | 121 mm                                 |
| Depth               | 87 mm                                  |
| Internal Height     | 150 mm                                 |
| Internal Width      | 105 mm                                 |
| Internal Depth      | 80 mm                                  |
| Enclosure Mounting  | Wall mounted                           |
| Device Composition  | 1 body<br>1 cover<br>4 cover screw     |
| Quantity Per Set    | Set of 2                               |
| Body Type           | One piece moulded                      |
| Type Of Front Cover | Low plain cover                        |
| Cover Fixing        | Plastic screws                         |
| Lock Type           | Captive screw flat outside sealed area |
| Removable Parts     | Cover by captive screws                |

## Complementary

|                             |                                                             |
|-----------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Material                    | Polycarbonate                                               |
| Colour                      | Grey (RAL 7035)                                             |
| Standards                   | UL 508 A<br>IEC 62208                                       |
| Product Certifications      | TÜV<br>UL                                                   |
| Electrical Insulation Class | Class II                                                    |
| Mounting Location           | Outdoor (with canopy or shelter and anticondensation valve) |
| Net Weight                  | 0.33 kg                                                     |

## Environment

Miễn trừ trách nhiệm: Tài liệu này không nhằm thay thế và không được sử dụng để xác định tính phù hợp hoặc độ tin cậy của các sản phẩm này cho các ứng dụng người dùng cụ thể

|                                     |                              |
|-------------------------------------|------------------------------|
| Ip Degree Of Protection             | IP66 conforming to NEMA 4.4X |
| Ik Degree Of Protection             | IK08 conforming to IEC 62262 |
| Fire Resistance                     | 960 °C                       |
| Ambient Air Temperature For Storage | -15...60 °C                  |
| Operating Temperature               | -25...80 °C                  |

## Packing Units

|                              |         |
|------------------------------|---------|
| Unit Type Of Package 1       | PCE     |
| Number Of Units In Package 1 | 1       |
| Package 1 Height             | 8.7 cm  |
| Package 1 Width              | 12.1 cm |
| Package 1 Length             | 16.4 cm |
| Package 1 Weight             | 330 g   |
| Unit Type Of Package 2       | P12     |
| Number Of Units In Package 2 | 384     |
| Package 2 Height             | 120 cm  |
| Package 2 Width              | 80 cm   |
| Package 2 Length             | 136 cm  |
| Package 2 Weight             | 160 kg  |

## Contractual warranty

|          |           |
|----------|-----------|
| Warranty | 18 months |
|----------|-----------|

Bền vững



Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO<sub>2</sub> thấp.

**Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm** là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhãn sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)

[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch    RoHS/REACH

## Hiệu suất sức khỏe

|                                                              |     |
|--------------------------------------------------------------|-----|
| <div><div>✓</div><div>Reach Free Of Svhc</div></div>         |     |
| <div><div>✓</div><div>Toxic Heavy Metal Free</div></div>     |     |
| <div><div>✓</div><div>Mercury Free</div></div>               |     |
| <div><div>✓</div><div>Rohs Exemption Information</div></div> | Yes |

## Chứng nhận & Tiêu chuẩn

|                          |                                                                                                             |
|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Reach Regulation         | <a href="#">REACH Declaration</a>                                                                           |
| Eu Rohs Directive        | Pro-active compliance (Product out of EU RoHS legal scope)<br><a href="#">EU RoHS Declaration</a>           |
| China Rohs Regulation    | <a href="#">China RoHS declaration</a><br>Pro-active China RoHS declaration (out of China RoHS legal scope) |
| Environmental Disclosure | <a href="#">Product Environmental Profile</a>                                                               |
| Circularity Profile      | <a href="#">End of Life Information</a>                                                                     |